

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 150/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Hoa Lam;

Bà Nguyễn Thị Bảo Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Vương Lệ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 712/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072189006671, do Cục C1 về TTXH cấp ngày 18/11/2022 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Quốc D, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp D, xã C, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072089000896, do Cục C1 về TTXH cấp ngày 25/01/2016 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Năm 2021, C và anh Lê Quốc D tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn C2, huyện C (nay là xã C), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau. Vợ chồng sống

ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Quốc D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T đối với anh Lê Quốc D. Chị T được ly hôn với anh D.

Về con chung: chưa có nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ ai nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Quốc D; anh D là bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh D vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn C2, huyện C (nay là xã C), tỉnh Tây Ninh. Đây

là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong đời sống vợ chồng, chị T và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng chồng không hạnh phúc, hiện nay không còn chung sống và anh D cũng không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T và anh D ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: không có nên không **đặt** ra Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: chị T khai không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T về việc ly hôn với anh Lê Quốc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Lê Quốc D được ly hôn.

2. Về con chung: không có nên không **đặt** ra Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: chị T khai không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết..

5. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009701 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 10- TN;
- THADS tỉnh TN;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (mã hs: 03.D01.149.10.940969).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hoa Lam

Nguyễn Thị Bảo Khuyên

Nguyễn Quốc Hùng